

Giáo án Tiếng Việt lớp 1 bài 2: cà, cá**BÀI 2: cà, cá****I. MỤC TIÊU:****1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết thanh huyền và dấu huyền, thanh sắc và dấu sắc.
- Biết đánh vần tiếng có mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”: **cà, cá**
- Nhìn hình minh họa, phát âm (hoặc được giáo viên hướng dẫn phát âm), tự tìm được tiếng có thanh huyền, thanh sắc.
- Viết đúng các tiếng **cà, cá** (trên bảng con)

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, động vật.
- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

II. CHUẨN BỊ:

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.
- Bảng cài, bộ thẻ chữ để HS làm BT 5
- Bảng con, phấn (bút dạ) để HS làm BT6 (tập viết)
- Vở Bài tập Tiếng Việt .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**Tiết 1**

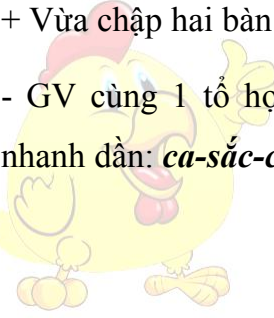
Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút)	

- Ôn định	- Hát
- Kiểm tra bài cũ	
+ GV viết lên bảng các chữ a, c và tiếng ca	- 2 - 3 HS đọc; cả lớp đọc đồng thanh
+ GV cho học sinh nhận xét	
- Giới thiệu bài	
+ Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ làm quen với 2 thanh của tiếng Việt là thanh huyền và thanh sắc; học đọc tiếng có thanh huyền, thanh sắc. + GV ghi từng chữ cà, nói: cá + GV ghi chữ cá, nói: cá	- Lắng nghe - 4-5 em, cả lớp : “cà” - Cá nhân, cả lớp : “cá”
2. Các hoạt động chủ yếu. (35 phút)	
Hoạt động 1. Khám phá (15 phút) Mục tiêu: - Nhận biết thanh huyền và dấu huyền, thanh sắc và dấu sắc. - Biết đánh vần tiếng có mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”: cà, cá	
2.1 Dạy tiếng cà	
- GV đưa tranh quả cà lên bảng.	- HS quan sát

	
- Đây là quả gì? - GV viết lên bảng tiếng cà - GV chỉ tiếng cà	- HS : Đây là quả cà. - HS nhận biết tiếng cà - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: cà
* Phân tích	
+ GV che dấu huyền ở tiếng cà rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này?	- HS xung phong đọc: ca
- GV chỉ vào chữ cà, nói đây là một tiếng mới. So với tiếng ca thì tiếng này có gì khác? - Đó là dấu huyền chỉ thanh huyền - GV đọc : cà - GV chỉ tiếng cà kết hợp hỏi: Tiếng cà gồm có những âm nào? Thanh nào? - GV cho HS nhắc lại	- Cos thêm dấu “gạch ngang” trên đầu - HS cá nhân – cả lớp : cà - Tiếng cà gồm có âm c và âm a. Âm c đứng trước, âm a đứng sau, dấu huyền đặt trên a. - HS cả lớp nhắc lại
* Đánh vần. - Hôm trước, các em đã biết cách đánh vần tiếng ca: cờ-a-ca. Hôm nay, tiếng ca có thêm dấu huyền, ta đánh vần như thế nào? - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay:	- HS: Ca- huyền- cà

+ Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm : cà + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ca + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: huyền + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: cà. - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ca-huyền-cà  - Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng ca với bước đánh vần tiếng cà làm một cho gọn.	- Quan sát và cùng làm với GV - HS làm và phát âm cùng GV - HS làm và phát âm cùng GV - HS làm và phát âm cùng GV - HS làm và phát âm cùng GV - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ. - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ca-huyền-cà - Cả lớp đánh vần: ca-huyền-cà. - Lắng nghe
- GV giới thiệu mô hình tiếng cà cà cà à c-a-ca-huyền-cà	
- GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng c-a-ca-huyền-cà	- HS (cá nhân, tổ, cả lớp) : c-a-ca-huyền-cà

2.1 Dạy tiếng cá	
- GV đưa tranh con cá lên bảng. 	- HS quan sát
- Đây là con gì? - GV viết lên bảng tiếng cá - GV chỉ tiếng cá	- HS : Đây là con cá - HS nhận biết tiếng cá - HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: cá
* Phân tích	
+ GV che dấu huyền ở tiếng cá rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này?	- HS xung phong đọc: ca
- GV chỉ vào chữ cá, nói đây là một tiếng mới. So với tiếng ca thì tiếng này có gì khác? - Đó là dấu sắc chỉ thanh sắc - GV đọc : cá - GV chỉ tiếng cà kết hợp hỏi: Tiếng cá gồm có những âm nào? Thanh nào? - GV cho HS nhắc lại - GV: Tiếng cá khác tiếng cà ở thanh gì?	- Cos thêm dấu trên đầu - HS cá nhân – cả lớp : cá - Tiếng cá gồm có âm c và âm a. Âm c đứng trước, âm a đứng sau, dấu sắc đặt trên a. - HS cả lớp nhắc lại - Tiếng cá có thanh sắc, tiếng cà có thanh huyền.
* Đánh vần.	

- Hôm trước, các em đã biết cách đánh vần tiếng ca: cờ-a-ca. Hôm nay, tiếng ca có thêm dấu sắc, ta đánh vần như thế nào? - Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay: + Chập hai tay vào nhau để trước mặt, phát âm : cá + Vừa tách bàn tay trái ra, ngả về bên trái, vừa phát âm: ca + Vừa tách bàn tay phải ra, ngả về bên phải, vừa phát âm: sắc + Vừa chập hai bàn tay lại, vừa phát âm: cá. - GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ca-sắc-cá  - Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng ca với bước đánh vần tiếng cá làm một cho gọn.	- HS: Ca- sắc- cá - Quan sát và cùng làm với GV - HS làm và phát âm cùng GV - HS làm và phát âm cùng GV - HS làm và phát âm cùng GV - HS làm và phát âm cùng GV theo từng tổ. - Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ca-sắc-cá - Cả lớp đánh vần: ca-sắc-cá. - Lắng nghe
- GV giới thiệu mô hình tiếng cá	

cá c á	c-a-ca-sắc-cá	
- GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng c-a-ca-sắc-cá	- HS (cá nhân, tổ, cả lớp) : c-a-ca-sắc-cá	
* Củng cố: - Các em vừa học dấu mới là dấu gì? - Các em vừa học các tiếng mới là tiếng gì? - GV chỉ mô hình tiếng cà, cá	- Dấu huyền, dấu sắc - Tiếng cà, cá - HS đánh vần, đọc tron : c-a-ca-huyền-cà, c-a-ca-sắc-cá.	
3. Hoạt động 2: Luyện tập (20 phút) * Mục tiêu: - Nhìn hình minh họa, phát âm (hoặc được giáo viên hướng dẫn phát âm), tự tìm được tiếng có thanh huyền, thanh sắc.		
3.1. Mở rộng vốn từ. (BT3: Đố em: Tiếng nào có thanh huyền?)		
a. Xác định yêu cầu. - GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 8 (GV giơ sách mở trang 8 cho HS quan sát) rồi nói to tên các con vật, cây, sự vật có thanh huyền; nói nhỏ tên các con vật, cây, sự vật không có thanh huyền.	- Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 8.	

<i>b. Nói tên sự vật</i> - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật. - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên từng sự vật.	- HS lần lượt nói tên từng con vật: <i>cò, bò, nhà, thỏ, nho, gà</i> - HS lần lượt nói một vài vòng
<i>d. Báo cáo kết quả.</i> - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi. 	+ HS1 chỉ hình 1- HS2 nói to : cò + HS1 chỉ hình 2- HS2 nói to: bò + HS1 chỉ hình 3- HS2 nói to: nhà + HS1 chỉ hình 4- HS2 nói nhỏ: thỏ + HS1 chỉ hình 5- HS2 nói nhỏ: nho + HS1 chỉ hình 6- HS2 nói to: gà
- GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả.	- HS báo cáo cá nhân
- GV cho HS làm bài vào vở Bài tập - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có thanh huyền(Hỗ trợ HS bằng hình ảnh)	- HS cả lớp nối hình với âm tương ứng. - HS nói (bà, già, xò,...)
3.2. Mở rộng vốn từ. (BT3: Đố em: Tiếng nào có	

thanh sắc?)	
<i>a. Xác định yêu cầu.</i> - GV nêu yêu cầu của bài tập : Các em nhìn vào SGK trang 9 (GV giơ sách mở trang 9 cho HS quan sát) rồi vừa nói vừa vỗ tay tên các con vật, cây, sự vật có thanh sắc.	- Học sinh lắng nghe yêu cầu và mở sách đến trang 9.
<i>b. Nói tên sự vật</i> - GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật. - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên từng sự vật.	- HS lần lượt nói tên từng con vật: <i>bé, lá, cú, hổ, bóng, chó</i> - HS lần lượt nói một vài vòng
<i>d. Báo cáo kết quả.</i> - GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.	+ HS1 chỉ hình 1- HS2 vỗ tay nói : bé + HS1 chỉ hình 2- HS2 vỗ tay nói: lá + HS1 chỉ hình 3- HS2 vỗ tay nói: cú + HS1 chỉ hình 4- HS2 không vỗ tay nói: hổ + HS1 chỉ hình 5- HS2 vỗ tay nói: bóng + HS1 chỉ hình 6- HS2 vỗ tay nói: chó
- GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả.	- HS báo cáo cá nhân

- GV cho HS làm bài vào vở Bài tập - GV đố học sinh tìm 3 tiếng có thanh sắc(Hỗ trợ HS bằng hình ảnh)	- HS cả lớp nối hình với âm tương ứng. - HS nói (cháo, đá, táo,...)
3.3. Ghép chữ.	
- GV nêu yêu cầu của bài tập: Tìm chữ và dấu trong bộ chữ, ghép 2 tiếng mới học: cà, cá	- 3-4 HS nhắc lại
- GV cho HS làm bài cá nhân - GV yêu cầu HS giơ bảng cài- GV kiểm tra	- HS lần lượt ghép tiếng cà, tiếng cá/. - HS giơ bảng sau mỗi lần cài
- GV nhận xét.	
Tiết 2	
3.4. Tìm hình ứng với mỗi tiếng (Bài tập 5)	
<i>a. Xác định yêu cầu.</i> - GV nêu yêu cầu của bài tập : GV đưa lên bảng hình minh họa bài 5 và 3 thẻ chữ sắp xếp theo thứ tự bất kì. - GV gọi 1 HS đọc - Bài yêu cầu chúng ta gắn các thẻ chữ cà, cá, ca dưới mỗi hình tương ứng (ở trên bảng) hoặc nối hình với chữ tương ứng (vở BT).	- Học sinh theo dõi. - HS đọc : cà, cá, ca - Theo dõi

<i>b. Thực hiện yêu cầu.</i> - GV chỉ từng thẻ chữ, mời HS đọc - GV chỉ từng chữ theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp đọc. - GV cho HS làm bài vào vở BT	- HS (cá nhân, tổ, lớp) đọc: cà, cá, ca - HS cả lớp đọc - Làm bài cá nhân
<i>d. Báo cáo kết quả.</i> - GV gắn lên bảng lớp 2 bộ thẻ chữ và hình ảnh; - Mời 2 HS lên bảng thi gắn nhanh chữ với hình. - GV cho cả lớp đọc lại kết quả	- HS quan sát và lắng nghe cách làm. - 2 HS lên thi gắn chữ với hình + HS chỉ từng chữ, nói kết quả: Hình 1-ca; Hình 2-cá; Hình 3-cà. - HS đọc 2 lần
2.4. Tập viết (Bảng con – BT 6)	
- Cho HS đọc các chữ mẫu cần viết trong bài tập 6	- HS đọc (cá nhân-tập thể) : cà, cá
<i>a. Chuẩn bị.</i>	
- Yêu cầu HS lấy bảng con. GV hướng dẫn học sinh cách lấy bảng, cách đặt bảng con lên bàn, cách cầm phần khoảng cách mắt đến bảng (25-30cm), cách giờ bảng, lau bảng nhẹ nhàng bằng khăn ẩm để tránh bụi.	- HS lấy bảng, đặt bảng, lấy phần theo yc của GV
<i>b. Làm mẫu.</i>	

- GV viết bảng : cà, cá - GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết:	- HS cả lớp đọc - HS đọc
+ Dấu huyền: Nét xiên trái ngắn. Dấu sắc: viết nét xiên phải ngắn. Độ nghiêng của các dấu vừa phải; vị trí hai dấu đề nằm trong khoảng cách giữa ĐK 3 và ĐK 4.	+ Theo dõi viết mẫu
+ Tiếng cà : Viết chữ c (nét cong trái, cao 2 li); sau đó viết chữ a (2 li); đánh dấu huyền (nét xiên trái ngắn) trên chữ a. Chú ý nét nối giữa chữ c và a.	
+ Tiếng cá : viết chữ c trước chữ a sau, dấu sắc (nét xiên phải ngắn) trên chữ a. Chú ý nét nối giữa chữ c với chữ a.	- HS theo dõi
<i>* Thực hành viết</i> - Cho HS viết trên khoảng không - Cho học sinh viết cà, cá	- HS viết chữ cà, cá lên khoảng không trước mặt bằng ngón tay trỏ. - HS viết bài cá nhân trên bảng chữ cà, cá từ 2-3 lần.
<i>d. Báo cáo kết quả</i> - GV yêu cầu HS giơ bảng con	- HS giơ bảng theo hiệu lệnh. - 3-4 HS viết đúng đẹp giới thiệu bài trước lớp

- GV nhận xét	- HS khác nhận xét
3. Hoạt động nối tiếp: (2 phút) - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. - Về nhà đọc lại bài tập đọc cùng người thân, xem trước bài kể chuyện : Hai con dê - GV khuyến khích HS tập viết chữ cà, cá trên bảng con	- Lắng nghe

TẬP VIẾT

cà, cá

I. MỤC TIÊU:

1. Phát triển các năng lực đặc thù – năng lực ngôn ngữ:

- Tô, viết đúng các tiếng **cà, cá** – chữ thường cỡ vừa đúng kiểu đều nét; viết đúng dấu sắc, dấu huyền, đặt dấu đúng vị trí, đưa bút đúng quy trình viết, dẫn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu chữ trong vở *Luyện viết 1*, tập một.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:

- Khởi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

II. CHUẨN BỊ:

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài
- Bảng con, phấn, bút dạ để học sinh làm bài tập 6 (tập viết).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

- Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
----------------------------------	-------------------------------

1. Khởi động (3 phút) - Ổn định - Kiểm tra bài cũ + GV gọi học đọc các chữ đã học ở bài 2 + GV cho học sinh nhận xét bài đọc - Giới thiệu bài: + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay các em sẽ tập tô và tập viết các chữ c, a các tiếng ca, cà, cá.	- Hát - 2 HS đọc - Lắng nghe
2. Các hoạt động chủ yếu. (35 phút)	
Hoạt động . Khám phá (15 phút) Mục tiêu: Tô, viết đúng các chữ c, a các tiếng ca, cà, cá – chữ thường cỡ vừa đúng kiểu đều nét, đưa bút đúng quy trình viết, dẫn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu.	
- GV treo bảng phụ các chữ, tiếng cần viết. - GV yêu cầu học sinh đọc - GV nhận xét	- HS quan sát - HS đọc (Tập thể-nhóm-cá nhân) các chữ, tiếng và số.

- Gọi học sinh đọc c, a, ca, cà, cá - Yêu cầu học sinh nói cách viết tiếng c, a, ca, cà, cá - GV vừa viết mẫu lần lượt từng tiếng, vừa nói lại quy trình viết. * Chú ý cho HS nối nét giữa c và a.	- 2 HS đọc - 2 HS nói cách viết + Tiếng ca : chữ c (cao 2 li) viết trước, chữ a (cao 2 li) viết sau. + Tiếng cà : chữ c (cao 2 li) viết trước, chữ a (cao 2 li) viết sau, thêm dấu huyền trên a. + Tiếng cá : chữ c (cao 2 li) viết trước, chữ a (cao 2 li) viết sau, thêm dấu sắc trên a. - Theo dõi, nhắc lại
3. Hoạt động luyện tập (20 phút)	
- Cho HS mở vở Luyện viết 1, tập 1 - Hướng dẫn HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng. - GV cho HS tập tô, tập viết các chữ c, a, ca, cà, cá - GV theo dõi, giúp đỡ, hỗ trợ HS yếu. Khuyến khích HS khá, giỏi viết hoàn thành phần <i>Luyện tập thêm</i>. - GV chấm 1 số bài của HS	- HS mở vở theo hướng dẫn - HS theo dõi làm theo hướng dẫn của giáo viên. - HS viết bài cá nhân



- GV nhận xét, chữa bài, tuyên dương bạn viết đẹp.	- HS theo dõi
3. Hoạt động nối tiếp (2 phút): - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. - Về nhà cùng người thân viết lại các chữ hôm nay vừa viết, xem trước bài 3	- Lắng nghe

Tham khảo: <https://vndoc.com/giao-an-sach-canh-dieu>



vndoc